

Số: **0 1 0 4 5 0** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 09044.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CP B.O.O NƯỚC THỦ ĐỨC  
Địa chỉ : 479 XA LỘ HÀ NỘI, LINH XUÂN, TP.HCM  
Tên mẫu : Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt – Tại BỂ chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức, 479 Xa Lộ Hà Nội, Linh Xuân, TPHCM  
Đặc điểm mẫu : Kết quả chlor dư tự do đo tại hiện trường: 0,74 mg/l  
Ngày lấy mẫu : 18/03/2026  
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít  
Ngày nhận mẫu : 18/03/2026  
Người gửi mẫu : Hồ Thị Thu Hồng  
Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy  
Thời gian thử nghiệm : 18/03/2026-25/03/2026

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu  | Phương pháp                    | Tiêu chuẩn      | Kết quả                       | Đơn vị     |
|-----|---|--------------------------------|-----------------|-------------------------------|------------|
| 1   | Coliforms tổng số   | TCVN 6187-1:2019 (a)           | < 1             | 0                             | CFU/100 ml |
| 2   | <i>Escherichia coli</i>   | TCVN 6187-1:2019 (a)           | < 1             | 0                             | CFU/100 ml |
| 3   | Màu sắc   | SMEWW 2120 C: 2023 (a)         | ≤ 15            | < 5                           | TCU        |
| 4   | Mùi   | HD.PP.33/KXN.LH:2023 (a)       | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ               | /          |
| 5   | pH  | TCVN 6492:2011 (a)             | 6,0 - 8,5       | 7,47                          | /          |
| 6   | Độ đục  | SMEWW 2130 B: 2023 (a)         | ≤ 2             | 0,20                          | NTU        |
| 7   | Arsen (As) tổng   | SMEWW 3125 B: 2023 (a)         | ≤ 0,01          | < 0,0005                      | mg/l       |
| 8   | Chlor dư tự do  | SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a) | 0,2 - 1,0       | 0,70                          | mg/l       |
| 9   | Chỉ số Permanganate   | TCVN 6186:1996 (a)             | ≤ 2             | Không phát hiện<br>LOD = 0,23 | mg/l       |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 6179-1:1996 (a)           | ≤ 1             | Không phát hiện<br>LOD = 0,02 | mg/l       |

Mã số mẫu: 09044.26

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.
- Kết quả chỉ tiêu Chlor dư tự do phân tích tại phòng thí nghiệm, không nhận xét, chỉ mang tính chất tham khảo.

Nhận xét: Mẫu Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt – Tại Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức, 479 Xa Lộ Hà Nội, Linh Xuân, TPHCM có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

26 -03- 2026

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .....

TU. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh

Số: **009486** /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 08167.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CP B.O.O NƯỚC THỦ ĐỨC  
Địa chỉ : 479 XA LỘ HÀ NỘI, LINH XUÂN, TP.HCM  
Tên mẫu : Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt – Tại Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức, 479 Xa Lộ Hà Nội, Linh Xuân, TPHCM  
Đặc điểm mẫu : Kết quả chlor dư tự do đo tại hiện trường: 0,73 mg/l  
Ngày lấy mẫu : 11/03/2026  
Lượng mẫu : 01 bình x 1 lít + 01 chai x 500 ml  
Ngày nhận mẫu : 11/03/2026  
Người gửi mẫu : Hồ Thị Thu Hồng  
Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy  
Thời gian thử nghiệm : 11/03/2026-18/03/2026

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu  | Phương pháp                    | Tiêu chuẩn      | Kết quả                       | Đơn vị     |
|-----|---|--------------------------------|-----------------|-------------------------------|------------|
| 1   | Coliforms tổng số   | TCVN 6187-1:2019 (a)           | < 1             | 0                             | CFU/100 ml |
| 2   | <i>Escherichia coli</i>   | TCVN 6187-1:2019 (a)           | < 1             | 0                             | CFU/100 ml |
| 3   | Màu sắc   | SMEWW 2120 C: 2023 (a)         | ≤ 15            | < 5                           | TCU        |
| 4   | Mùi   | HD.PP.33/KXN.LH:2023 (a)       | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ               | /          |
| 5   | pH  | TCVN 6492:2011 (a)             | 6,0 - 8,5       | 7,44                          | /          |
| 6   | Độ đục  | SMEWW 2130 B: 2023 (a)         | ≤ 2             | 0,20                          | NTU        |
| 7   | Arsen (As) tổng   | SMEWW 3125 B: 2023 (a)         | ≤ 0,01          | < 0,0005                      | mg/l       |
| 8   | Chlor dư tự do  | SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a) | 0,2 - 1,0       | 0,70                          | mg/l       |
| 9   | Chỉ số Permanganate   | TCVN 6186:1996 (a)             | ≤ 2             | Không phát hiện<br>LOD = 0,23 | mg/l       |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 6179-1:1996 (a)           | ≤ 1             | Không phát hiện<br>LOD = 0,02 | mg/l       |

**Mã số mẫu: 08167.26**

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.
- Kết quả chỉ tiêu Chlor dư tự do phân tích tại phòng thí nghiệm, không nhận xét, chỉ mang tính chất tham khảo.

**Nhận xét:** Mẫu Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt – Tại Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức, 479 Xa Lộ Hà Nội, Linh Xuân, TPHCM có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ..... **19 -03- 2026**

**TUQ. VIỆN TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**



**TS. Lê Thị Ngọc Hạnh**

Số: 008412/VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 06951.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CP B.O.O NƯỚC THỦ ĐỨC  
Địa chỉ : 479 XA LỘ HÀ NỘI, LINH XUÂN, TP.HCM  
Tên mẫu : Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt – Tại BỂ chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức, 479 Xa Lộ Hà Nội, Linh Xuân, TPHCM  
Đặc điểm mẫu : Kết quả chlor dư tự do đo tại hiện trường: 0,75 mg/l  
Ngày lấy mẫu : 04/03/2026  
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 1 chai x 500 ml  
Ngày nhận mẫu : 04/03/2026  
Người gửi mẫu : Hồ Thị Thu Hồng  
Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy  
Thời gian thử nghiệm : 04/03/2026-12/03/2026

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu  | Phương pháp                    | Tiêu chuẩn      | Kết quả                       | Đơn vị     |
|-----|---|--------------------------------|-----------------|-------------------------------|------------|
| 1   | Coliforms tổng số   | TCVN 6187-1:2019 (a)           | < 1             | 0                             | CFU/100 ml |
| 2   | <i>Escherichia coli</i>   | TCVN 6187-1:2019 (a)           | < 1             | 0                             | CFU/100 ml |
| 3   | Màu sắc   | SMEWW 2120 C: 2023 (a)         | ≤ 15            | < 5                           | TCU        |
| 4   | Mùi   | HD.PP.33/KXN.LH:2023 (a)       | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ               | /          |
| 5   | pH  | TCVN 6492:2011 (a)             | 6,0 - 8,5       | 7,29                          | /          |
| 6   | Độ đục  | SMEWW 2130 B: 2023 (a)         | ≤ 2             | 0,20                          | NTU        |
| 7   | Arsen (As) tổng   | SMEWW 3125 B: 2023 (a)         | ≤ 0,01          | < 0,0005                      | mg/l       |
| 8   | Chlor dư tự do  | SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a) | 0,2 - 1,0       | 0,70                          | mg/l       |
| 9   | Chỉ số Permanganate   | TCVN 6186:1996 (a)             | ≤ 2             | < 0,80                        | mg/l       |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 6179-1:1996 (a)           | ≤ 1             | Không phát hiện<br>LOD = 0,02 | mg/l       |

Mã số mẫu: 06951.26

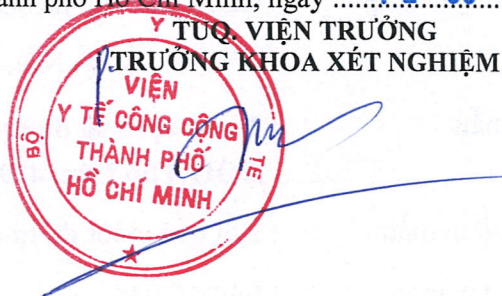
**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.
- Kết quả chỉ tiêu Chlor dư tự do phân tích tại phòng thí nghiệm, không nhận xét, chỉ mang tính chất tham khảo.

**Nhận xét:**

Mẫu Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt – Tại Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức, 479 Xa Lộ Hà Nội, Linh Xuân, TPHCM có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày .....12-03-2026.....



**TS. Lê Thị Ngọc Hạnh**

Số: 007358 /VYTCC



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 05909.26



Tên khách hàng : CÔNG TY CP B.O.O NƯỚC THỦ ĐỨC  
Địa chỉ : 479 XA LỘ HÀ NỘI, LINH XUÂN, TP.HCM  
Tên mẫu : Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt – Tại Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức, 479 Xa Lộ Hà Nội, Linh Xuân, TPHCM  
Đặc điểm mẫu : Kết quả chlor dư tự do đo tại hiện trường: 0,71 mg/l  
Ngày lấy mẫu : 25/02/2026  
Lượng mẫu : 01 bình x 1 lít + 01 chai x 500 ml  
Ngày nhận mẫu : 25/02/2026  
Người gửi mẫu : Hồ Thị Thu Hồng  
Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy  
Thời gian thử nghiệm : 25/02/2026-04/03/2026

### KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu  | Phương pháp                    | Tiêu chuẩn      | Kết quả                         | Đơn vị     |
|-----|---|--------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------|
| 1   | Coliforms tổng số   | TCVN 6187-1:2019 (a)           | < 1             | 0                               | CFU/100 ml |
| 2   | <i>Escherichia coli</i>   | TCVN 6187-1:2019 (a)           | < 1             | 0                               | CFU/100 ml |
| 3   | Màu sắc   | SMEWW 2120 C: 2023 (a)         | ≤ 15            | < 5                             | TCU        |
| 4   | Mùi   | HD.PP.33/KXN.LH:2023 (a)       | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ                 | /          |
| 5   | pH  | TCVN 6492:2011 (a)             | 6,0 - 8,5       | 7,43                            | /          |
| 6   | Độ đục  | SMEWW 2130 B: 2023 (a)         | ≤ 2             | 0,20                            | NTU        |
| 7   | Arsen (As) tổng   | SMEWW 3125 B: 2023 (a)         | ≤ 0,01          | Không phát hiện<br>LOD = 0,0003 | mg/l       |
| 8   | Chlor dư tự do  | SMEWW 4500 - Cl - F - 2023 (a) | 0,2 - 1,0       | 0,70                            | mg/l       |
| 9   | Chỉ số Permanganate   | TCVN 6186:1996 (a)             | ≤ 2             | Không phát hiện<br>LOD = 0,23   | mg/l       |
| 10  | Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) | TCVN 6179-1:1996 (a)           | ≤ 1             | Không phát hiện<br>LOD = 0,02   | mg/l       |

**Mã số mẫu: 05909.26**

**Ghi chú:**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.
- Kết quả chỉ tiêu Chlor dư tự do phân tích tại phòng thí nghiệm, không nhận xét, chỉ mang tính chất tham khảo.

**Nhận xét:**

Mẫu Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt – Tại Bể chứa nước sạch nhà máy BOO Thủ Đức, 479 Xa Lộ Hà Nội, Linh Xuân, TPHCM có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT do Bộ Y tế ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **05-03-2026**

**TUQ. VIỆN TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM**



**TS. Lê Thị Ngọc Hạnh**